

Phụ lục IV.1

**KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 3965/QĐ-UBND NGÀY 03/9/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố)

STT	UBND phường, xã	Chỉ tiêu giao năm 2026	Số người đã tham gia		Còn phải phát triển mới để đạt chỉ tiêu		Ghi chú
			Số người	Đạt tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	
1	Xã Núi Thành	21.540	21.494	99,79%	46	0,21%	
2	Xã Hiệp Đức	2.021	2.016	99,75%	5	0,25%	
3	Phường Thanh Khê	40.053	39.939	99,72%	114	0,28%	
4	Phường Hải Châu	38.340	38.098	99,37%	242	0,63%	
5	Xã Phước Trà	463	459	99,14%	4	0,86%	
6	Phường Hòa Cường	34.733	34.403	99,05%	330	0,95%	
7	Phường Liên Chiểu	28.969	28.685	99,02%	284	0,98%	
8	Xã Quế Sơn	3.817	3.771	98,79%	46	1,21%	
9	Phường Sơn Trà	19.956	19.715	98,79%	241	1,21%	
10	Xã Việt An	2.467	2.437	98,78%	30	1,22%	
11	Xã Nam Trà My	894	883	98,77%	11	1,23%	
12	Phường Hải Vân	11.517	11.366	98,69%	151	1,31%	
13	Xã Trà Linh	228	225	98,68%	3	1,32%	
14	Xã Lãnh Ngọc	1.373	1.351	98,40%	22	1,60%	
15	Xã Tây Giang	1.083	1.064	98,25%	19	1,75%	
16	Phường Cẩm Lệ	25.250	24.796	98,20%	454	1,80%	
17	Phường Hòa Khánh	23.534	23.110	98,20%	424	1,80%	
18	Phường An Hải	23.586	23.159	98,19%	427	1,81%	
19	Phường Hòa Xuân	20.413	20.037	98,16%	376	1,84%	
20	Xã Phước Thành	315	309	98,10%	6	1,90%	
21	Phường Ngũ Hành Sơn	32.596	31.964	98,06%	632	1,94%	
22	Xã Nông Sơn	2.397	2.346	97,87%	51	2,13%	
23	Phường An Khê	18.688	18.279	97,81%	409	2,19%	
24	Xã Hòa Vang	6.400	6.258	97,78%	142	2,22%	
25	Xã Phước Chánh	391	382	97,70%	9	2,30%	
26	Xã Sơn Cẩm Hà	1.866	1.822	97,64%	44	2,36%	
27	Xã Thạnh Mỹ	1.400	1.364	97,43%	36	2,57%	
28	Phường Bàn Thạch	11.546	11.249	97,43%	297	2,57%	
29	Xã Phước Năng	892	868	97,31%	24	2,69%	
30	Xã Quế Phước	1.361	1.324	97,28%	37	2,72%	
31	Xã Đông Giang	1.301	1.265	97,23%	36	2,77%	
32	Xã Quế Sơn Trung	3.843	3.732	97,11%	111	2,89%	
33	Xã Thạnh Bình	3.035	2.947	97,10%	88	2,90%	
34	Xã Trà Leng	447	434	97,09%	13	2,91%	
35	Xã Trà My	2.811	2.729	97,08%	82	2,92%	
36	Xã Trà Tập	405	393	97,04%	12	2,96%	
37	Phường Tam Kỳ	7.162	6.941	96,91%	221	3,09%	
38	Xã Tiên Phước	3.968	3.843	96,85%	125	3,15%	
39	Xã Tân Hiệp	476	461	96,85%	15	3,15%	
40	Xã Bà Nà	4.221	4.086	96,80%	135	3,20%	
41	Xã Khâm Đức	1.749	1.693	96,80%	56	3,20%	

42	Phường Điện Bàn	10.843	10.491	96,75%	352	3,25%	
43	Xã Phước Hiệp	574	555	96,69%	19	3,31%	
44	Xã Thăng An	6.621	6.399	96,65%	222	3,35%	
45	Xã Xuân Phú	5.267	5.090	96,64%	177	3,36%	
46	Xã Đắc Pring	350	338	96,57%	12	3,43%	
47	Phường Điện Bàn Bắc	6.376	6.154	96,52%	222	3,48%	
48	Xã Đồng Dương	2.561	2.471	96,49%	90	3,51%	
49	Xã Hòa Tiến	6.957	6.710	96,45%	247	3,55%	
50	Xã Thăng Trường	3.741	3.604	96,34%	137	3,66%	
51	Xã Nam Giang	595	573	96,30%	22	3,70%	
52	Xã Chiên Đàn	6.662	6.411	96,23%	251	3,77%	
53	Phường Điện Bàn Đông	14.759	14.193	96,17%	566	3,83%	
54	Xã Sông Vàng	648	623	96,14%	25	3,86%	
55	Xã Tam Hải	1.190	1.144	96,13%	46	3,87%	
56	Phường An Thắng	7.726	7.426	96,12%	300	3,88%	
57	Xã La Dêê	561	539	96,08%	22	3,92%	
58	Xã La Êê	346	332	95,95%	14	4,05%	
59	Xã Bến Giằng	1.009	968	95,94%	41	4,06%	
60	Xã Thăng Điền	6.127	5.878	95,94%	249	4,06%	
61	Xã Vu Gia	3.439	3.299	95,93%	140	4,07%	
62	Xã Tây Hồ	6.393	6.132	95,92%	261	4,08%	
63	Phường Hội An Đông	6.820	6.540	95,89%	280	4,11%	
64	Xã Trà Vân	243	233	95,88%	10	4,12%	
65	Xã Thăng Bình	11.538	11.062	95,87%	476	4,13%	
66	Xã Sông Kôn	798	765	95,86%	33	4,14%	
67	Phường Hương Trà	5.190	4.973	95,82%	217	4,18%	
68	Phường Quảng Phú	5.566	5.330	95,76%	236	4,24%	
69	Xã Gò Nổi	5.077	4.861	95,75%	216	4,25%	
70	Xã Avương	534	511	95,69%	23	4,31%	
71	Xã Đại Lộc	9.569	9.156	95,68%	413	4,32%	
72	Xã Hà Nha	5.011	4.794	95,67%	217	4,33%	
73	Xã Phú Thuận	2.898	2.770	95,58%	128	4,42%	
74	Xã Trà Tân	463	442	95,46%	21	4,54%	
75	Xã Nam Phước	7.376	7.041	95,46%	335	4,54%	
76	Xã Thăng Phú	1.708	1.630	95,43%	78	4,57%	
77	Xã Trà Giáp	372	355	95,43%	17	4,57%	
78	Xã Duy Xuyên	6.462	6.159	95,31%	303	4,69%	
79	Xã Thu Bồn	6.098	5.810	95,28%	288	4,72%	
80	Xã Đức Phú	2.316	2.206	95,25%	110	4,75%	
81	Xã Điện Bàn Tây	7.655	7.290	95,23%	365	4,77%	
82	Xã Phú Ninh	4.175	3.973	95,16%	202	4,84%	
83	Xã Bến Hiên	475	452	95,16%	23	4,84%	
84	Xã Tam Anh	7.407	7.048	95,15%	359	4,85%	
85	Xã Tam Xuân	7.808	7.428	95,13%	380	4,87%	
86	Phường Hội An	6.632	6.309	95,13%	323	4,87%	
87	Xã Tam Mỹ	4.083	3.884	95,13%	199	4,87%	
88	Phường Hội An Tây	7.132	6.781	95,08%	351	4,92%	
89	Xã Hùng Sơn	751	714	95,07%	37	4,93%	
90	Xã Trà Đốc	1.133	1.077	95,06%	56	4,94%	
91	Xã Duy Nghĩa	4.353	4.136	95,01%	217	4,99%	
92	Xã Trà Liên	717	681	94,98%	36	5,02%	
93	Xã Thượng Đức	3.916	3.715	94,87%	201	5,13%	
94	Đặc khu Hoàng Sa						
	Tổng	634.528	619.153	97,58%	15.375	2,42%	

Ghi chú: Đã bao gồm số bảo lưu BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện